HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

58 - 87

Phòng thi: 1
Giảng đường: H4.2_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị dự án

(Để chẵn/lẻ)

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	01	58	2,5	01	Hoàng	HP Lẻ
2	000002	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	01	59	3,0	01	Anh	chẵn
3	000003	1101031146	Trịnh Hương	An	08/04/2005	QT11A	01	60	4,0	01	An	Lẻ
4	000004	1101031429	Lê Hải	Anh	17/08/2005	QT11A	01	61	3,3	01	Anh	Chẵn
5	000005	1101030469	Lê Quang	Anh	23/10/2005	QT11A	01	62	5,8	01	Anh	lẻ
6	000006	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01	63	một	01	Anh	chẵn
7	000007	1101030495	Ngô Thị Nguyệt	Ánh	05/11/2005	QT11A	01	64	7,0	01	Ánh	lẻ
8	000008	1101030500	Nguyễn Đức Tùng	Bách	02/12/2005	QT11A	01	65	1,3	01	Bách	chẵn
9	000009	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01	66	3.5	01	Bình	Lẻ
10	000010	1101031168	Nguyễn Thắng	Đồng	23/08/2005	QT11A	01	67	6,3	01	Đồng	chẵn
11	000011	1101030519	Nguyễn Anh	Dũng	20/12/2005	QT11A	01	68	4,5	01	Dũng	Lẻ
12	000012	1101030525	Đào Quang	Duy	19/02/2005	QT11A	01	69	1,3	01	Duy	chẵn
13	000013	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	01	70	5,5	01	Duyên	lẻ
14	000014	1101031412	Nguyễn Nam	Giang	04/03/2005	QT11A	01	71	6,0	01	Giang	chẵn
15	000015	1101030538	Đặng Hoàng	Hải	09/05/2005	QT11A	01	72	5,8	01	Hải	lẻ
16	000016	1101031359	Lê Thị Diễm	Hằng	17/11/2005	QT11A	01	73	5,5	01	Hằng	chẵn
17	000017	1101030543	Nguyễn Thị	Hảo	24/03/2005	QT11A	01	74	2,5	1	Hảo	lẻ
18	000018	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	01	75	5,3	01	Hiệp	chẵn
19	000019	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	01	76	5,3	1	Huệ	Lẻ
20	000020	1101030559	Phạm Thị	Huệ	12/10/2005	QT11A	01	77	1,3	1	Huệ	Chẵn
21	000021	1101030561	Phùng Tuấn	Hùng	13/09/2005	QT11A	01	78	7,0	1	Hùng	Lẻ
22	000022	1101031731	Đỗ Thu	Hương	07/08/2005	QT11A	01	79	6,5	1	Hương	lẻ
23	000023	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	01	80	5,0	1	Hương	lẻ
24	000024	1101030829	Lương Gia	Huy	24/09/2005	QT11A	01	81	6,3	1	Huy	chẵn
25	000025	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01	82	một	1	Huyền	lẻ
26	000026	1101030399	Nguyễn Thị	Huyền	28/06/2005	QT11A	01	83	4,3	1	Huyền	chẵn
27	000027	1101030580	Nguyễn Quốc	Khánh	01/09/2005	QT11A	01	84	4,0	1	Khánh	HP Lẻ
28	000028	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	01	85	3,5	1	Kiên	chẵn
29	000029	1101030588	Phan Thị	Liễu	31/12/2004	QT11A	01	86	5,8	01	Liễu	lẻ
30	000030	1101030603	Nguyễn Thùy	Linh	23/03/2005	QT11A	01	87	6,0	01	Linh	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi:.....30.....
Tổng số tờ giấy thi:.....30
Tổng số biên bản:.....0....

Ngày 15 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Thị Minh Tâm

Cán bộ coi thi 2 Phạm Thị Mai Huyền

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

88 - 116

Phòng thi: 2
Giảng đường: H4.3_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1101031371	Phạm Thị Hồng	Lĩnh	11/12/2005	QT11A	01	88	3,3	1	Lĩnh	HP
2	000032	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	01	89	1,5	1	Lộc	HP
3	000033	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	01	90	4,0	1	Ly	lẻ
4	000034	1101031215	Đinh Thế	Minh	04/12/2005	QT11A	01	91	4,5	1	Minh	Chẵn
5	000035	1101030627	Phạm Hồng	Minh	04/12/2005	QT11A	01	92	8,8	1	Minh	lẻ
6	000036	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	01	93	3,3	1		chẵn
7	000037	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	01	94	3,5	1		HP lẻ
8	000038	1101030643	Nguyễn Thị Bích	Ngân	25/09/2005	QT11A	01	95	9,3	1		chẵn
9	000039	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	01	96	7,8	1	Ngoan	lẻ
10	000040	1101030660	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/05/2005	QT11A	01	97	8,0	1	Nhung	chẵn
11	000041	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	01	98	1,8	1	Phi	Lẻ
12	000042	1101031222	Bùi Thu	Phương	23/09/2005	QT11A	01	99	một	1	Phương	chẵn
13	000043	1101030681	Vũ Nguyễn Đình	Quang	15/04/2005	QT11A	01	100	5,5	1	Quang	lẻ
14	000044	1101031420	Lê Thị Diễm	Quỳnh	26/08/2005	QT11A	01	101	một	1	Quỳnh	chẵn
15	000045	1101031366	Lưu Danh	Thái	14/02/2005	QT11A	01	102	4,8	1	Thái	lẻ
16	000046	1101031229	Nguyễn Thị	Thảo	05/05/2005	QT11A	01	103	6,8	1	Thảo	chẵn
17	000047	1101030420	Vũ Minh	Thu	02/11/2005	QT11A	01	104	4,8	1	Thu	lẻ
18	000048	1101030731	Phạm Xuân	Trung	26/08/2005	QT11A	01	105	6,0	1	Trung	chẵn
19	000049	1101031252	Nguyễn Thị Hà	Uyên	08/11/2005	QT11A	01	106	6,5	1	Uyên	HP
20	000050	1101030743	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/08/2005	QT11A	01	107	6,5	1	Vân	Chẵn
21	000051	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	01	108	3,3	1	Vy	HP
~~22~~	~~000052~~	~~0901030151~~	~~Phạm Hoàng~~	~~Lan~~	~~19/05/2003~~	~~QT9B~~	~~01~~					vắng
23	000053	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	02	109	4,8	1	Bình	Lẻ
24	000054	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	02	110	7,3	1	Hiếu	chẵn
25	000055	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	02	111	4,0	1	Hùng	lẻ
26	000056	1101040374	Bùi Thị Lan	Hương	19/10/2005	CT11A	02	112	3,3	1	Hương	Chẵn
27	000057	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	02	113	1,3	1	Kiên	lẻ
28	000058	1101040376	Vũ Thị Trà	My	21/10/2005	CT11A	02	114	3,0	1	My	chẵn
29	000059	1101040377	Hoàng Văn	Tài	22/09/2005	CT11A	02	115	3,5	1	Tài	lẻ
30	000060	1101040378	Ngô Mai	Thi	07/07/2005	CT11A	02	116	8,3	1	Thi	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 0

Ngày 15 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Thị Phấy Hoa

Cán bộ coi thi 2 Hoàng Thị Hương Giang

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

29 - 57

Phòng thi: 3
Giảng đường: H4.4_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị dự án

Mã đề

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000061	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	02	29	6,8	01	Trang	01
2	000062	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	02	30	2,3	01	Việt	02
3	000063	1101030466	Bùi Thị Ngọc	Anh	30/11/2005	QT11B	02	31	9,0	01	NAh	01
4	000064	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	02	32	4,8	02	Anh	02
5	000065	1101030489	Trần Hoàng	Anh	05/08/2001	QT11B	02	33	4,3	01	Anh	01
6	000066	1101030491	Vũ Duy	Anh	07/02/2003	QT11B	02	34	9,0	01	Anh	02
7	000067	1101030496	Nguyễn Ngọc	Ánh	24/12/2005	QT11B	02	35	4,0	01	Ánh	01
8	000068	1101030502	Phạm Ngọc	Biên	30/03/2005	QT11B	02	36	8,5	01	Biên	02
9	000069	1101031161	Khuất Duy	Cường	01/01/2005	QT11B	02					HP,ĐK
10	000070	1101031165	Lê Thành	Đạt	26/02/2004	QT11B	02	37	6,3	01	Đạt	02
11	000071	1101030526	Nguyễn Đức	Duy	09/07/2005	QT11B	02	38	8,8	01	Duy	01
12	000072	1101030529	Trần Văn	Duy	23/10/2003	QT11B	02	39	6,3	01	Duy	02
13	000073	1101030805	Nguyễn Ngọc	Giang	30/09/2005	QT11B	02	40	7,0	01	Giang	01
14	000074	1101030947	Giang Thị	Hà	25/12/2005	QT11B	02	41	3,0	01	Hà	02
15	000075	1101030539	Nguyễn Duy	Hải	02/09/2005	QT11B	02	42	3,0	01	Hải	01
16	000076	1101030542	Nguyễn Thị Thu	Hằng	14/02/2005	QT11B	02	43	7,3	01	Hằng	02
17	000077	1101031189	Đoàn Trung	Hiếu	02/12/2005	QT11B	02	44	5,0	01	Hiếu	01
18	000078	1101030558	Phạm Minh	Huệ	10/04/2005	QT11B	02	45	2,0	01	Huệ	01 02
19	000079	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	02	46	4,5	01	Hùng	01
20	000080	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT11B	02	47	Mới	01	Hùng	02
21	000081	1101030563	Hoàng Tuấn	Hưng	28/08/2005	QT11B	02	48	4,0	01	Hưng	01
22	000082	1101030564	Lê Mai	Hương	11/08/2005	QT11B	02	49	9,3	01	Hương	02
23	000083	1101031360	Phạm Tuấn	Huy	03/07/2002	QT11B	02	50	4,8	01	Huy	01
24	000084	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	02	51	4,0	01	Huyền	02
25	000085	1101030131	Đỗ Thị	Khuyên	28/06/2005	QT11B	02	52	5,0	1	Khuyên	01
26	000086	1101031385	Hoàng Thị Mai	Lan	17/11/2005	QT11B	02	53	5,3	01	Lan	02
27	000087	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT11B	02	54	8,8	01	Lan	01
28	000088	1101030589	Bùi Lê Phương	Linh	23/09/2004	QT11B	02	55	9,5	01	Linh	02
29	000089	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02	56	4,5	01	Linh	01
30	000090	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	02	57	4,0	01	Linh	02

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 01

Ngày 15 tháng 6 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Thị Huyền

Cán bộ coi thi 2 Hoàng Thị Mến

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
PHÂN HIỆU HƯNG YÊN

1_28

Phòng thi: 4
Giảng đường: H1.1_CS1

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị dự án

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000091	1101030606	Vũ Phương	Linh	31/12/2005	QT11B	02	1	6,5	1	Linh	Lẻ
2	000092	1101030609	Ngô Gia	Lợi	23/10/2005	QT11B	02	2	4,0	1	Lợi	chẵn
3	000093	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	02	3	5,8	1	Ly	Lẻ
4	000094	1101030617	Vũ Khánh	Ly	06/12/2005	QT11B	02	4	5,8	1	Ly	Chẵn
5	000095	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	02	5	7,3	1	Mai	lẻ
6	000096	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	02	6	Không BB	1	Minh	chẵn
7	000097	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	02	7	Một	1	Minh	Lẻ
8	000098	1101030629	Lường Thị	Mừng	18/01/2004	QT11B	02	8	4,0	1	Mừng	chẵn
9	000099	1101030642	Nguyễn Kim	Ngân	03/08/2005	QT11B	02	9	6,8	1	Ngân	Lẻ
10	000100	1101030651	Giáp Thị Thảo	Nguyên	16/07/2005	QT11B	02	10	3,5	1	Nguyên	Chẵn
11	000101	1101030872	Lê Thu Ánh	Nguyệt	19/08/2005	QT11B	02	11	7,0	1	Nguyệt	Lẻ
12	000102	1101031219	Đỗ Thị Quỳnh	Như	17/02/2005	QT11B	02	12	4,8	1	Như	Chẵn
13	000103	1101030666	Nguyễn Xuân	Phong	18/04/2005	QT11B	02	13	6,8	1	phong	Lẻ
14	000104	1101031224	Kiều Anh	Quân	04/08/2005	QT11B	02	14	8,8	01	Quân	Chẵn
15	000105	1101030886	Phùng Minh	Quân	19/08/2005	QT11B	02	15	6,0	01	Quân	Lẻ
16	~~000106~~	~~1101030684~~	~~Trương Như~~	~~Quỳnh~~	~~02/07/2005~~	~~QT11B~~	~~02~~					ĐK
17	000107	1101030701	Ngô Thanh	Thảo	07/12/2005	QT11B	02	16	6,3	01	Thảo	Lẻ
18	000108	1101030709	Trần Hoài	Thương	04/11/2005	QT11B	02	17	6,5	01	Thương	Chẵn
19	000109	1101031421	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	06/03/2005	QT11B	02	18	6,5	01	Tiên	Lẻ
20	000110	1101031389	Đỗ Thị Huyền	Trang	06/12/2005	QT11B	02	19	5,5	01	Trang	chẵn
21	000111	1101030721	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	18/06/2005	QT11B	02	20	6,5	01	Trang	Lẻ
22	000112	1101030728	Nguyễn Kiều	Trinh	03/10/2005	QT11B	02	21	7,5	01	Trinh	Chẵn
23	000113	1101030739	Nguyễn Thị Hải	Uyên	12/05/2005	QT11B	02	22	6,8	1	Uyên	Lẻ
24	000114	1101030741	Thẩm Thị Tố	Uyên	30/09/2005	QT11B	02	23	4,8	1		Chẵn
25	000115	1101031254	Vũ Hồng	Vân	10/11/2005	QT11B	02	24	6,5	1	Vân	Lẻ
26	000116	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02	25	2,5	1	Vũ	chẵn
27	000117	1101031255	Nguyễn Hà	Vy	16/05/2005	QT11B	02	26	5,5	1	Vy	Lẻ
28	000118	1101030755	Chử Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	02	27	3,3	1	Yến	Chẵn
29	000119	1101031368	Nguyễn Bảo	Yến	09/10/2005	QT11B	02	28	5,0	1		Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 1

Ngày 15 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Đào Thị Hồng Yến

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Văn Chung